



Số: 222/2022/SCIEC - CBTT

(V/v: Báo cáo tài chính Hợp nhất
Quý II năm 2022)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----000-----

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Trụ sở chính : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm , TP Hà Nội.

Điện thoại : 02433 868 243

Fax : 02433 868 243

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Thanh Hải – Chủ tịch HĐQT Công ty

Địa chỉ : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm , TP Hà Nội.

Điện thoại : 02433 868 243

Fax : 02433 868 243

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☐ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý II năm 2022 của Công ty Cổ phần SCI E&C được lập ngày 26/07/2022 bao gồm: Bảng cân đối kế toán Hợp nhất; Báo cáo kết quả kinh doanh Hợp nhất; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Hợp nhất; Thuyết minh báo cáo tài chính Hợp nhất.

Đồng thời công ty cũng thực hiện công bố thông tin trên trang web:
<https://www.scigroup.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

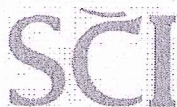
Nơi nhận:

- Như trên
- P.TCKT, TCHC

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT/NGƯỜI THỰC
HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Phan Thanh Hải



Số: 290/2022/SCIEC - CBTT

(V/v: giải trình về lợi nhuận sau thuế chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----000-----

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2022.

Kính gửi:

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC,
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Trụ sở chính: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Điện thoại: 02433 868 243

Fax: 02433 868 243

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần SCI E&C

Mã chứng khoán: SCI

Công ty Cổ phần SCI E&C xin giải trình về lợi nhuận sau thuế của BCTC hợp nhất quý II năm 2022 chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021	Tỷ lệ chênh lệch %
1	Doanh thu thuần	575.677.671.673	1.715.923.594.195	-66,45%
2	Giá vốn hàng bán	567.582.804.713	1.643.977.188.348	-65,48%
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	9.188.326.530	31.557.067.204	-70,88%

Nguyên nhân :

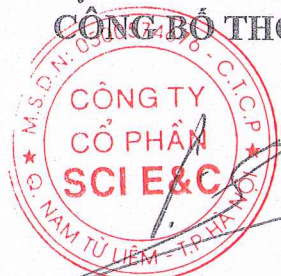
Trong kỳ, Công ty triển khai nghiệm thu các hạng mục nhưng do ảnh hưởng của tình hình chung và sự tăng giá của nguyên vật liệu đầu vào ... nên Doanh thu, Giá vốn hàng bán và Lợi nhuận sau thuế giảm so với cùng kỳ năm trước.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCKT, TCHC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT/NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN



Phan Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	04-05
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	06-07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	08-44

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,717,054,156,365	1,808,909,668,783
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	134,064,995,807	291,400,318,262
1. Tiền	111		14,064,995,807	141,400,318,262
2. Các khoản tương đương tiền	112		120,000,000,000	150,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	5,597,175,656	5,450,175,656
1. Chứng khoán kinh doanh	121		175,656	175,656
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5,597,000,000	5,450,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		831,812,441,533	742,986,230,220
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	704,936,093,549	630,331,187,635
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	180,986,404,513	163,637,626,335
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	36,334,107,089	36,629,104,454
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(90,444,163,618)	(87,611,688,204)
IV. Hàng tồn kho	140	11	605,630,346,554	641,249,871,337
1. Hàng tồn kho	141		605,630,346,554	641,249,871,337
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		139,949,196,815	127,823,073,308
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	-	3,307,438
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		139,797,836,722	125,170,231,701
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	151,360,093	2,649,534,169
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		207,224,914,583	322,163,222,787
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4,948,550,000	4,862,250,000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	4,948,550,000	4,862,250,000
II. Tài sản cố định	220		193,503,799,736	217,128,078,346
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	131,877,694,033	163,599,480,880
- Nguyên giá	222		455,978,080,947	456,558,531,821
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(324,100,386,914)	(292,959,050,941)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	61,626,105,703	53,528,597,466
- Nguyên giá	225		115,940,948,837	96,909,174,376
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(54,314,843,134)	(43,380,576,910)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		110,000,000	110,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(110,000,000)	(110,000,000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2,651,070,000	16,725,037,000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2,651,070,000	16,725,037,000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	6,000,000,000	83,414,588,466
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	77,414,588,466
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		6,000,000,000	6,000,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		121,494,847	33,268,975
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	8,340,907	29,503,635
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	33.a	113,153,940	3,765,340
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1,924,279,070,948	2,131,072,891,570

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,453,980,615,530	1,678,237,218,603
I. Nợ ngắn hạn	310		1,332,993,378,737	1,551,234,563,384
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	433,668,873,841	595,684,501,561
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	196,658,915,755	259,961,283,618
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	2,632,452,699	3,788,091,471
4. Phải trả người lao động	314		20,932,272,350	49,185,880,262
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	120,359,497,685	102,471,841,477
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	34,084,171,162	26,362,692,346
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	507,849,654,384	495,529,238,754
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	-	6,808,863,248
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16,807,540,861	11,442,170,647
II. Nợ dài hạn	330		120,987,236,793	127,002,655,219
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	49,633,766,610	64,908,444,812
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	33.b	-	454,733,355
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	71,353,470,183	61,639,477,052
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		470,298,455,418	452,835,672,967
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	470,298,455,418	452,835,672,967
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		254,098,470,000	254,098,470,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		254,098,470,000	254,098,470,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3,830,997,949)	(3,830,997,949)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9,560,557,541	9,560,557,541
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		210,470,425,826	193,007,643,375
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		187,453,121,526	57,785,910,157
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23,017,304,300	135,221,733,218
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1,924,279,070,948	2,131,072,891,570

Bùi Thị Hoa
Người lậpCao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởngPhan Thanh Hải
Chủ tịch

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2/2022		Quý 2/2021		Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022		Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	
			VND		VND		VND		VND	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	575,677,671,673		1,715,923,594,195		1,016,161,624,266		2,486,645,330,006	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		575,677,671,673		1,715,923,594,195		1,016,161,624,266		2,486,645,330,006	
4. Giá vốn hàng bán	11	26	567,582,804,713		1,643,977,188,348		966,810,248,608		2,305,948,445,124	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8,094,866,960		71,946,405,847		49,351,375,658		180,696,884,882	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	5,630,042,455		26,067,607,810		8,864,291,988		35,714,228,597	
7. Chi phí tài chính	22	28	16,763,522,854		25,060,768,061		26,342,573,680		38,369,115,217	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9,039,768,117		19,558,669,981		18,082,294,461		32,052,679,568	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	11,037,325,267		33,139,654,408		28,242,803,186		46,819,679,164	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(14,075,938,706)		39,813,591,188		3,630,290,780		131,222,319,098	
12. Thu nhập khác	31	30	25,653,556,949		9,677,411		25,840,756,756		9,678,038	
13. Chi phí khác	32	31	103,963,752		24,208,011		113,152,973		28,232,989	
14. Lợi nhuận khác	40		25,549,593,197		(14,530,600)		25,727,603,783		(18,554,951)	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11,473,654,491		39,799,060,588		29,357,894,563		131,203,764,147	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	2,385,873,284		8,274,449,493		6,904,712,218		26,348,317,249	
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	33.b	(100,545,323)		(32,456,109)		(564,121,955)		195,613,634	

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	9,188,326,530	31,557,067,204	23,017,304,300	104,659,833,264
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	6,996	906	4,119



Bùi Thị Hoa
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng

Phan Thanh Hải
Chủ tịch
Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		29,357,894,563	131,203,764,147
6. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		43,163,993,683	49,079,761,859
- Các khoản dự phòng	03		3,463,938,523	145,539,663,411
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(5,061,848,992)	(12,208,806,606)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4,205,637,974)	(3,349,857,373)
- Chi phí lãi vay	06		18,082,294,461	32,052,679,568
13 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		84,800,634,264	342,317,205,006
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3,566,184,818)	(154,853,090,698)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		35,072,581,785	(1,196,889,578,810)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(317,155,153,902)	265,091,863,964
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		24,470,166	181,166,840
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	2,750,000,000
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19,226,332,971)	(31,362,085,519)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5,316,453,150)	(22,639,636,960)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(225,366,438,626)	(795,404,156,177)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(24,749,137,223)	(31,137,031,421)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		19,441,404,091	5,984,994,422
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(147,000,000)	(249,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	555,130,000,000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		75,000,000,000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,484,443,663	13,749,906,678
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		71,029,710,531	294,727,869,679
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	123,218,662,051
2. Tiền thu từ đi vay	33		837,290,142,368	2,969,345,234,290
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(822,552,502,290)	(2,009,206,498,147)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(17,691,902,650)	(11,975,946,377)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(175,526,373,400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2,954,262,572)	895,855,078,417

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
Phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

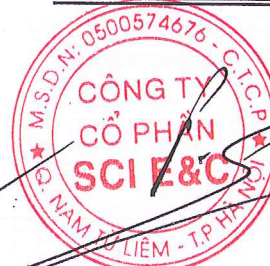
Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm ($50=20+30+40$)	50		(157,290,990,667)	395,178,791,919
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		291,400,318,262	148,216,717,468
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(44,331,788)	(1,309,464,456)
Tiền và tương đương tiền cuối năm ($70=50+60+61$)	70	5	134,064,995,807	542,086,044,931

Bùi Thị Hoa
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng



Phan Thanh Hải
Chủ tịch

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần SCI E&C (tên cũ: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/05/2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 23/03/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 254.098.470.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 254.098.470.000 đồng; tương đương 25.409.847 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình điện (Xây dựng đường dây; trạm biến áp đến 220kV; Xây dựng nhà máy điện);
- Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở; Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước; Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển;
- Xây dựng công trình thủy như: Đường thủy, cảng và các công trình trên sông, cảng du lịch (bến tàu), cửa cống .. Đập và đê;
- Xây dựng công trình công nghiệp khai khoáng không phải nhà như: Nhà máy lọc dầu, công trình khai thác than, quặng, ...
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo không phải nhà như: Nhà máy sản xuất hóa chất cơ bản, hóa dược, dược liệu và hóa chất khác; Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng; Nhà máy chế biến thực phẩm, ...
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác không phải nhà như : Công trình thể thao ngoài trời;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật cồng kềnh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Ngành nghề kinh doanh (tiếp)**

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rơ le, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện;
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm) .

Cấu trúc Tập đoàn**Tổng số công ty con:**

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 01 (một);
- Số lượng công ty con không được hợp nhất: không.

Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2022 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc	Lai Châu	100%	100%	Xây lắp

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh, căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể Đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các dự án được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

- Máy móc, thiết bị	04 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Phần mềm kế toán**

Phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Đình,
Phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

Mẫu số B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	957,479,915	1,341,851,618
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13,107,515,892	140,058,466,644
Các khoản tương đương tiền	120,000,000,000	150,000,000,000
	134,064,995,807	291,400,318,262

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	5,597,000,000	5,597,000,000	5,450,000,000	5,450,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn	5,597,000,000	5,597,000,000	5,450,000,000	5,450,000,000
Đầu tư dài hạn	6,000,000,000	6,000,000,000	6,000,000,000	6,000,000,000
Trái phiếu	6,000,000,000	6,000,000,000	6,000,000,000	6,000,000,000
	11,597,000,000	11,597,000,000	11,450,000,000	11,450,000,000

Khoản đầu tư trái phiếu tại ngày 30/06/2022 bao gồm 6 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), mệnh giá trái phiếu 1.000.000.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu 7 năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu	175,656	175,950	175,656	365,850
	175,656	175,950	175,656	365,850

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty CP SCI Nghệ An	-	-	75,000,000,000	77,414,588,466
	-	-	75,000,000,000	77,414,588,466

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty cổ phần SCI	487,632,897,553	(77,176,019,054)	426,794,506,067	(72,607,375,690)
VPĐD TCT Sông Đà, BDA Dự án Thủy điện Lai Châu	5,785,230,225	-	6,701,919,101	-
Công ty CP năng lượng Gelex Quảng Trị	46,714,722,000	-	3,692,135,913	-
Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng	-	-	69,133,659,319	-
Công ty CP điện gió Hướng Linh 7	69,105,409,200	-	-	-
Công ty CP điện gió Hướng Linh 8	890,860,153	-	8,407,795,000	-
Chi nhánh TCT CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	45,772,580,674	-	45,772,580,674	-
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	26,286,127,544	-	25,952,572,536	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	22,748,266,200	(12,884,603,354)	43,876,019,025	(14,620,771,304)
	704,936,093,549	(90,060,622,408)	630,331,187,635	(87,228,146,994)
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	513,919,025,097		454,322,078,603	
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)</i>				

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP ECOBA Việt Nam	5,726,516,118	-	5,726,516,118	-
Công ty Cổ phần Thương mại CITICOM	10,142,163,788	-	-	-
Công ty cổ phần đầu tư Cotriha	3,781,935,091	-	5,672,377,688	-
Công ty CP TS INVEST	4,321,865,508	-	4,321,865,508	-
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh Kim khí Trúc Mai	7,847,442,000	-	-	-
Voith Hydro Private Limited	85,923,429,772	-	78,772,640,811	-
Voith Hydro S.L (VHTO)	12,830,649,155	-	12,830,649,155	-
Trả trước khác	50,412,403,081	-	56,313,577,055	-
	180,986,404,513	-	163,637,626,335	-
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	340,506,599		786,831,867	
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)</i>				

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	440,065,918	-	376,886,548	-
Phải thu người lao động	2,826,453,270	-	3,083,924,050	-
Tạm ứng	6,588,726,039	-	9,141,495,975	-
Ký cược, ký quỹ	3,000,000	-	10,000,000	-
Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ thuế tài chính	7,012,510,351	-	5,983,582,606	-
Phải thu vật tư tạm ứng cho thầu phụ	7,206,706,239	-	6,113,354,217	-
Phải thu khác	12,256,645,272	(383,541,210)	11,919,861,058	(383,541,210)
	36,334,107,089	(383,541,210)	36,629,104,454	(383,541,210)
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	4,948,550,000	-	4,862,250,000	-
	4,948,550,000	-	4,862,250,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10 . NỢ XẤU

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Xây lắp và Phát triển Thành Nam	6,248,083,094	-	6,248,083,094	-
Công ty CP Xây dựng Dịch vụ và Thương mại 68	3,425,189,422	-	3,425,189,422	-
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 8 - CTCP	-	-	1,736,167,950	-
Công ty TNHH XD Chitcareune	1,810,101,671	-	1,810,101,671	-
Dự án Thủy điện Nam Thuen - Công ty Cổ phần SCI	107,604,403,879	30,428,384,825	107,315,028,735	34,707,653,045
Đối tượng khác	1,784,770,377	-	1,784,770,377	-
	120,872,548,443	30,428,384,825	122,319,341,249	34,707,653,045

11 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	59,082,192,581	-	56,597,099,756	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	546,548,153,973	-	584,652,771,581	-
	605,630,346,554	-	641,249,871,337	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2022		01/01/2022	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	59,082,192,581	-	56,597,099,756	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	546,548,153,973	-	584,652,771,581	-
	605,630,346,554	-	641,249,871,337	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Tại ngày 01/01/2022	11,221,128,927		352,011,185,336		91,588,411,113		1,601,806,445		136,000,000		456,558,531,821	
Mua sắm	-		2,968,247,307		-		98,045,455		-		3,066,292,762	
Thanh lý, nhượng bán	-		(2,955,000,000)		(691,743,636)		-		-		(3,646,743,636)	
Tại ngày 30/06/2022	11,221,128,927		352,024,432,643		90,896,667,477		1,699,851,900		136,000,000		455,978,080,947	
Giá trị hao mòn lũy kế												
Tại ngày 01/01/2022	7,920,278,136		201,395,642,042		82,083,537,988		1,423,592,775		136,000,000		292,959,050,941	
Trích khấu hao	140,264,112		27,333,986,180		4,618,762,933		136,714,234		-		32,229,727,459	
Thanh lý, nhượng bán	-		(396,647,850)		(691,743,636)		-		-		(1,088,391,486)	
Tại ngày 30/06/2022	8,060,542,248		228,332,980,372		86,010,557,285		1,560,307,009		136,000,000		324,100,386,914	
Giá trị còn lại												
Tại ngày 01/01/2022	3,300,850,791		150,615,543,294		9,504,873,125		178,213,670		-		163,599,480,880	
Tại ngày 30/06/2022	3,160,586,679		123,691,452,271		4,886,110,192		139,544,891		-		131,877,694,033	

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 91,588,254,439 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 162.365.806.250 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2022	83,211,158,559	13,698,015,817	96,909,174,376
Thuê tài chính	19,031,774,461	-	19,031,774,461
Tại ngày 30/06/2022	102,242,933,020	13,698,015,817	115,940,948,837
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2022	40,200,729,042	3,179,847,868	43,380,576,910
Trích khấu hao	9,104,103,672	1,830,162,552	10,934,266,224
Tại ngày 30/06/2022	49,304,832,714	5,010,010,420	54,314,843,134
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2022	43,010,429,517	10,518,167,949	53,528,597,466
Tại ngày 30/06/2022	52,938,100,306	8,688,005,397	61,626,105,703

14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2022	110,000,000	110,000,000
Tại ngày 30/06/2022	110,000,000	110,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2022	110,000,000	110,000,000
Tại ngày 30/06/2022	110,000,000	110,000,000
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2022	-	-
Tại ngày 30/06/2022	-	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 110.000.000 đồng.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	3,307,438
	-	3,307,438
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	8,340,907	29,503,635
	8,340,907	29,503,635

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần SCI	23,746,143,866	23,746,143,866	19,828,883,682	19,828,883,682
Công ty CP Thương mại và Sản xuất HTD	18,831,591,873	18,831,591,873	11,494,469,902	11,494,469,902
Công ty CP DVC Việt Nam	17,581,042,279	17,581,042,279	5,044,027,933	5,044,027,933
PHOUTURENE CONSTRUCTION CO.,LTD	30,450,775,250	30,450,775,250	6,241,805,250	6,241,805,250
Công ty TNHH Phú Bảo Hân	4,553,866,561	4,553,866,561	32,132,033,642	32,132,033,642
Enercon GmbH	17,159,727,852	17,159,727,852	141,118,335,791	141,118,335,791
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	12,281,154,589	12,281,154,589	16,816,248,806	16,816,248,806
Công ty CP thiết bị và dịch vụ TCE	8,340,956,100	8,340,956,100	49,040,187,999	49,040,187,999
Công ty cổ phần đầu tư Cotriha	5,678,030,355	5,678,030,355	10,504,742,263	10,504,742,263
Công ty TNHH ENERCON Vietnam	89,481,595,388	89,481,595,388	85,797,067,934	85,797,067,934
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	28,278,105,260	28,278,105,260	17,597,778,560	17,597,778,560
Công ty cổ phần thiết bị điện	-	-	21,489,590,742	21,489,590,742
Công ty TNHH Xuân Phúc 88	10,804,542,509	10,804,542,509	3,882,631,285	3,882,631,285
Công ty CP TS invest	8,533,532,588	8,533,532,588	14,788,754,120	14,788,754,120
Các khoản phải trả khác	157,947,809,371	157,947,809,371	159,907,943,652	159,907,943,652
	433,668,873,841	433,668,873,841	595,684,501,561	595,684,501,561
	38,331,390,874	38,331,390,874	36,696,643,485	36,696,643,485

Phải trả người bán là các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	2,649,534,169	2,826,223,832	44,698,286,221	45,015,405,884	140,430,000	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	39,065,411	39,065,411	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	797,614,216	6,904,712,218	5,316,453,150	-	2,385,873,284
Thuế Thu nhập cá nhân	-	118,333,948	1,888,247,692	1,810,175,935	10,930,093	207,335,798
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	1,124,425	-	-	-	1,124,425
Các loại thuế khác	-	5,190,507	6,000,000	6,000,000	-	5,190,507
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	39,604,543	6,675,858	13,351,716	-	32,928,685
	<u>2,649,534,169</u>	<u>3,788,091,471</u>	<u>53,542,987,400</u>	<u>52,200,452,096</u>	<u>151,360,093</u>	<u>2,632,452,699</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
Phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	13,588,401,399	13,588,401,399
Công ty Cổ phần Quản lý đầu tư MEKONG	32,332,703,800	-
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	123,319,126,420	186,141,011,581
Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 4	16,218,614,605	45,123,904,063
Phải thu khách hàng khác	11,200,069,531	15,107,966,575
	196,658,915,755	259,961,283,618
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)	123,319,126,420	186,141,011,581

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3,788,567,704	4,932,606,214
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn công trình	116,570,929,981	97,539,235,263
	120,359,497,685	102,471,841,477

20 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1,259,413,299	890,809,704
Liên danh chủ đầu tư công trình Namtheun (JV)	19,338,289,800	19,338,289,800
Phải trả vật tư tạm nhập trong kỳ	7,413,276,333	614,424,805
Cổ tức phải trả	494,134,700	521,206,850
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5,579,057,030	4,997,961,187
	34,084,171,162	26,362,692,346

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong năm		30/06/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Đông	453,126,057,805	453,126,057,805	828,089,700,730	811,831,735,990	469,384,022,545	469,384,022,545
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bắc Từ Liêm	81,226,057,805	81,226,057,805	707,972,056,312	553,433,735,990	235,764,378,127	235,764,378,127
- Vay ngắn hạn cá nhân	371,900,000,000	371,900,000,000	112,998,000,000	258,398,000,000	226,500,000,000	226,500,000,000
Nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Đông	17,184,869,436	17,184,869,436	9,390,000,000	10,720,766,300	15,854,103,136	15,854,103,136
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	15,854,103,136	15,854,103,136	9,390,000,000	9,390,000,000	15,854,103,136	15,854,103,136
- Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST- Chi nhánh Hà Nội	1,330,766,300	1,330,766,300	-	1,330,766,300	-	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả						
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	25,218,311,513	25,218,311,513	15,085,119,840	17,691,902,650	22,611,528,703	22,611,528,703
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	9,915,737,500	9,915,737,500	4,957,868,750	4,957,868,750	9,915,737,500	9,915,737,500
- Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	14,290,994,013	14,290,994,013	9,621,461,090	12,228,242,900	11,684,212,203	11,684,212,203
- Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1,011,580,000	1,011,580,000	505,790,000	505,791,000	1,011,579,000	1,011,579,000
	495,529,238,754	495,529,238,754	852,564,820,570	840,244,404,940	507,849,654,384	507,849,654,384

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Đông	40,737,501,126	40,737,501,126	-	10,720,766,300	30,016,734,826	30,016,734,826
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	1,330,766,300	1,330,766,300	-	1,330,766,300	-	-
Nợ thuế tài chính dài hạn						
- Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST- Chi nhánh Hà Nội	66,574,124,635	66,574,124,635	9,200,441,638	17,691,902,650	58,082,663,623	58,082,663,623
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	41,785,650,510	41,785,650,510	9,200,441,638	12,228,242,900	38,757,849,248	38,757,849,248
- Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	3,034,746,000	3,034,746,000	-	505,791,000	2,528,955,000	2,528,955,000
	<u>107,311,625,761</u>	<u>107,311,625,761</u>	<u>9,200,441,638</u>	<u>28,412,668,950</u>	<u>88,099,398,449</u>	<u>88,099,398,449</u>
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng						
	(42,403,180,949)	(42,403,180,949)	(24,475,119,840)	(28,412,668,950)	(38,465,631,839)	(38,465,631,839)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng						
	<u>64,908,444,812</u>	<u>64,908,444,812</u>			<u>49,633,766,610</u>	<u>49,633,766,610</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn

Lãi suất các khoản vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của từng thời kỳ.

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại ngày 30/06/2022	Phương thức bảo đảm tiền vay
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây Hợp đồng tín dụng số 01/2021/283367/HĐTD ngày 18/05/2021	3,630,468,747,000	Bổ sung vốn lưu động	Thời hạn cấp tín dụng đến 31/05/2022	235,764,378,127 235,764,378,127	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
2	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bắc Từ Liêm Hợp đồng tín dụng số 44/2022/HĐTD/BTL ngày 01/05/2022	150,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán để thực hiện hoạt động thi công xây lắp và lắp đặt	Thời hạn cấp tín dụng đến 30/04/2023	7,119,644,418 7,119,644,418	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
3	Vay cá nhân Bao gồm các hợp đồng vay cá nhân là cán bộ nhân viên trong công ty với thời hạn từ 01 đến 05 tháng, lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,5%/năm				226,500,000,000 226,500,000,000	

Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại ngày 30/06/2022	Phương thức bảo đảm tiền vay
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây Hợp đồng tín dụng số 02/2020/283367 /HĐTD ngày 27/04/2020	34,400,000,000	Mua sắm máy móc thiết bị thi công	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	30,016,734,826 19,058,226,426	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2020/283367 /HĐTD ngày 06/04/2020	35,700,000,000	Mua sắm máy móc thiết bị thi công	36 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	10,958,508,400	Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn (tiếp theo)

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại ngày 30/06/2022
Thông tin bổ sung các khoản nợ thuê tài chính					
5	Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST-CN Hà Nội				
	Hợp đồng thuê tài chính số 21719000076 /HĐCTTC ngày 03/05/2019	15,652,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	60 tháng kể từ ngày nhận nợ	16,795,859,375 6,260,800,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 21719000230 /HĐCTTC ngày 28/10/2019	13,892,400,000	Phục vụ thi công xây dựng	48 tháng kể từ ngày nhận nợ	2,826,037,500
	Hợp đồng thuê tài chính số 21719000327 /HĐCTTC ngày 26/12/2019	7,536,100,000	Phục vụ thi công xây dựng	48 tháng kể từ ngày nhận nợ	5,209,650,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 21720000001 /HĐCTTC ngày 06/01/2020	5,712,850,000	Phục vụ thi công xây dựng	48 tháng kể từ ngày nhận nợ	2,499,371,875
6	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam				
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.079/2020 /TSC-CTTC ngày 13/07/2020	870,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	38,757,849,248 209,780,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.087/2020 /TSC-CTTC ngày 04/08/2020	592,840,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	187,060,400
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.093/2020 /TSC-CTTC ngày 18/08/2020	660,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	217,400,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.094/2020 /TSC-CTTC ngày 18/08/2020	7,536,100,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	284,500,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.113/2020 /TSC-CTTC ngày 29/09/2020	1,380,160,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	485,680,000

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin bổ sung các khoản nợ thuế tài chính (tiếp theo)

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại ngày 30/06/2022
6	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam				
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.115/2020 /TSC-CTTC ngày 29/09/2020	745,500,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	264,880,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.048/2021/TSC-CTTC ngày 26/04/2021	701,250,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	460,770,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.122/2020 /TSC-CTTC ngày 16/10/2020	2,424,500,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	877,660,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.123/2020 /TSC-CTTC ngày 16/10/2020	2,577,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	816,000,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.129/2020 /TSC-CTTC ngày 12/11/2020	1,700,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	561,860,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.130/2020 /TSC-CTTC ngày 12/11/2020	1,100,200,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	414,500,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.131/2020 /TSC-CTTC ngày 16/11/2020	2,966,285,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1,152,468,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.109/2020 /TSC-CTTC ngày 16/11/2020	2,664,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1,096,053,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.132/2020 /TSC-CTTC ngày 18/11/2020	2,850,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1,107,390,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.147/2020 /TSC-CTTC ngày 11/12/2020	1,957,865,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	805,386,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.0006/2021 /TSC-CTTC ngày 29/01/2021	6,583,493,864	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	2,859,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Thông tin bổ sung các khoản nợ thuê tài chính (tiếp theo)

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại ngày 30/06/2022
6	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (tiếp theo)				
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.026/2021/TSC-CTTC ngày 02/02/2021	18,365,652,820	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	13,349,224,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.043/2021/TSC-CTTC ngày 19/04/2021	907,500,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	587,220,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.096/2021/TSC-CTTC ngày 20/08/2021	913,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	547,790,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.099/2021/TSC-CTTC ngày 08/09/2021	3,600,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1,944,000,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.101/2021/TSC-CTTC ngày 27/09/2021	800,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	479,999,980
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.104/2021/TSC-CTTC ngày 27/09/2021	2,364,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1,891,199,980
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.116/2021/TSC-CTTC ngày 30/12/2021	980,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	864,704,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.114/2021/TSC-CTTC ngày 13/12/2021	1,083,469,950	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	956,002,910
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.113/2021/TSC-CTTC ngày 13/12/2021	1,785,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1,575,000,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.102/2021/TSC-CTTC ngày 27/09/2021	1,312,500,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1,042,279,420
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.115/2021/TSC-CTTC ngày 13/12/2021	1,307,781,818	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	893,547,818

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Thông tin bổ sung các khoản nợ thuê tài chính (tiếp theo)					
STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại ngày 30/06/2022
6	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (tiếp theo)				
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.103/2021/TSC-CTTC ngày 27/09/2021	2,480,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1,969,411,740
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.017/2022/TSC-CTTC ngày 30/03/2022	1,210,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	857,082,000
	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam				2,528,955,000
7	Hợp đồng thuê tài chính số 124.20.05/CTTC ngày 19/11/2020	2,201,628,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1,072,500,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 124.20.06/CTTC ngày 19/11/2020	2,201,628,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1,072,500,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 124.20.07/CTTC ngày 19/11/2020	788,182,824	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	383,955,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Dự phòng phải trả ngắn hạn		
Trích quỹ tiền lương dự phòng	-	6,808,863,248
	-	6,808,863,248
b) Dự phòng phải trả dài hạn		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	71,353,470,183	61,639,477,052
	71,353,470,183	61,639,477,052

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021					
Tại ngày 01/01/2021	127,048,810,000	-	9,560,557,541	243,340,612,496	379,949,980,037
Tăng vốn trong kỳ trước	127,049,660,000	(3,830,997,949)	-	-	123,218,662,051
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	135,221,733,218	135,221,733,218
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(7,349,045,470)	(7,349,045,470)
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	(177,868,929,000)	(177,868,929,000)
Giảm khác	-	-	-	(144,727,869)	(144,727,869)
Thù lao HĐQT không chuyên trách	-	-	-	(192,000,000)	(192,000,000)
Tại ngày 31/12/2021	254,098,470,000	(3,830,997,949)	9,560,557,541	193,007,643,375	452,835,672,967
Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022					
Tại ngày 01/01/2022	254,098,470,000	(3,830,997,949)	9,560,557,541	193,007,643,375	452,835,672,967
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	23,017,304,300	23,017,304,300
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(5,403,080,214)	(5,403,080,214)
Tăng khác	-	-	-	132,558,365	132,558,365
Thù lao HĐQT không chuyên trách	-	-	-	(284,000,000)	(284,000,000)
Tại ngày 30/06/2022	254,098,470,000	(3,830,997,949)	9,560,557,541	210,470,425,826	470,298,455,418
	-	-	-	-	-

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-SCIEC-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		135,077,005,349
Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách		284,000,000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4%	5,403,080,214

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trí,
Phường Mỹ Trí, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

Mẫu số B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	30/06/2022	Tỷ lệ	01/01/2022
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của Công ty Cổ phần SCI	51.00%	129,589,910,000	58.15%	147,749,250,000
Vốn góp của các cổ đông khác	49.00%	124,508,560,000	41.85%	106,349,220,000
	100%	254,098,470,000	100%	254,098,470,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	254,098,470,000	254,098,470,000
- Vốn góp đầu năm	254,098,470,000	127,048,810,000
- Vốn góp tăng trong năm	-	127,049,660,000
- Vốn góp cuối năm	254,098,470,000	254,098,470,000

d) Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25,409,847	25,409,847
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25,409,847	25,409,847
- Cổ phiếu phổ thông đã niêm yết	25,409,847	25,409,847
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25,409,847	25,409,847
- Cổ phiếu phổ thông đã niêm yết	25,409,847	25,409,847
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9,560,557,541	9,560,557,541
	9,560,557,541	9,560,557,541

24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	30/06/2022	01/01/2022
Đồng đô la Mỹ (USD)	19,418.91	14,480.90
Kip Lào (Lak)	1,562,428,180.00	1,384,507,388.00

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
Phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

MÃU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	20,516,217,151	21,688,828,255
Doanh thu hợp đồng xây dựng	995,645,407,115	2,464,956,501,751
	1,016,161,624,266	2,486,645,330,006
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)	828,499,321,854	304,205,180,743

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	18,400,103,455	22,994,481,109
Giá vốn hợp đồng xây dựng	948,410,145,153	2,282,953,964,015
	966,810,248,608	2,305,948,445,124

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1,415,064,668	1,475,888,855
Lãi bán các khoản đầu tư	85,411,534	7,773,512,008
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2,301,966,794	14,256,021,128
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	5,061,848,992	12,208,806,606
	8,864,291,988	35,714,228,597

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	18,082,294,461	32,052,679,568
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	5,568,540,190	5,894,784,976
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2,637,687,883	421,650,673
Chi phí tài chính khác	54,051,146	-
	26,342,573,680	38,369,115,217

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	2,484,596,998	5,753,560,481
Chi phí nhân công	10,700,360,841	8,419,264,129
Chi phí khấu hao tài sản cố định	572,609,999	939,603,212
Thuế, phí, lệ phí	4,327,129,649	4,829,455,379
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	2,832,475,414	22,190,580,463
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,447,680,839	3,473,136,854
Chi phí khác bằng tiền	3,877,949,446	1,214,078,646
	28,242,803,186	46,819,679,164

30 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	158,014,941	-
Tiền phạt	25,678,097,842	-
Thu nhập khác	4,643,973	9,678,038
	25,840,756,756	9,678,038

31 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	3,976,430
Các khoản bị phạt	31,131,952	24,208,037
Chi phí khác	82,021,021	48,522
	113,152,973	28,232,989

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29,357,894,563	131,203,764,147
Các khoản điều chỉnh tăng	75,602,095	24,256,559
- Chi phí không hợp lệ	31,270,307	24,256,559
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	44,331,788	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(132,558,365)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(132,558,365)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	29,300,938,293	131,228,020,706
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6,904,712,218	26,348,317,249
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	797,614,216	22,573,780,836
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(5,316,453,150)	(22,638,677,000)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	2,385,873,284	26,283,421,085

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Đình,
Phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	113,153,940	3,765,340
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	113,153,940	3,765,340

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	454,733,355
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	454,733,355

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(564,121,955)	195,613,634
	(564,121,955)	195,613,634

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	23,017,304,300	104,659,833,264
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	23,017,304,300	104,659,833,264
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	25,409,847	25,409,847
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	906	4,119

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	513,678,838,461	2,558,282,741,948
Chi phí nhân công	87,871,959,978	235,985,202,781
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43,163,993,683	49,079,761,859
Chi phí dịch vụ mua ngoài	308,266,576,325	516,248,727,052
Chi phí khác bằng tiền	17,524,443,946	6,060,570,123
	970,505,812,393	3,365,657,003,763

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương	134,064,995,807	-	291,400,318,262	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	746,218,750,638	(90,444,163,618)	671,822,542,089	(87,611,688,204)
Đầu tư ngắn hạn	5,597,175,656	-	5,450,175,656	-
Đầu tư dài hạn	6,000,000,000	-	6,000,000,000	-
	891,880,922,101	(90,444,163,618)	974,673,036,007	(87,611,688,204)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	557,483,420,994	560,437,683,566
Phải trả người bán, phải trả khác	467,753,045,003	622,047,193,907
Chi phí phải trả	120,359,497,685	102,471,841,477
	1,145,595,963,682	1,284,956,718,950

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	134,064,995,807	-	-	134,064,995,807
Phải thu khách hàng, phải thu khác	650,826,037,020	4,948,550,000	-	655,774,587,020
Đầu tư ngắn hạn	5,597,175,656	-	-	5,597,175,656
Đầu tư dài hạn	-	6,000,000,000	-	6,000,000,000
	790,488,208,483	10,948,550,000	-	801,436,758,483
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	291,400,318,262	-	-	291,400,318,262
Phải thu khách hàng, phải thu khác	579,348,603,885	4,862,250,000	-	584,210,853,885
Đầu tư ngắn hạn	5,450,175,656	-	-	5,450,175,656
Đầu tư dài hạn	-	6,000,000,000	-	6,000,000,000
	876,199,097,803	10,862,250,000	-	887,061,347,803

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2022				
Vay và nợ	507,849,654,384	49,633,766,610	-	557,483,420,994
Phải trả người bán, phải	467,753,045,003	-	-	467,753,045,003
Chi phí phải trả	120,359,497,685	-	-	120,359,497,685
	1,095,962,197,072	49,633,766,610	-	1,145,595,963,682

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
Phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tại ngày 01/01/2022

Vay và nợ	495,529,238,754	64,908,444,812	-	560,437,683,566
Phải trả người bán, phải	622,047,193,907	-	-	622,047,193,907
Chi phí phải trả	102,471,841,477	-	-	102,471,841,477
	1,220,048,274,138	64,908,444,812	-	1,284,956,718,950

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		828,499,321,854	304,205,180,743
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	577,839,716,852	269,681,487,071
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Cùng tập đoàn	9,936,535,345	-
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Cùng tập đoàn		3,695,454,545
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	240,723,069,657	30,828,239,127
Mua hàng hóa, dịch vụ		43,430,620,542	49,645,329,945
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	36,902,980,999	38,513,087,320
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	4,004,949,722	1,151,208,490
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	2,522,689,821	9,981,034,135

Số dư tại ngày kết thúc kỳ:

	Mối quan hệ	30/06/2022	01/01/2022
		VND	VND
Phải thu khách hàng		513,919,025,097	454,322,078,603
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	487,632,897,553	426,794,506,067
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	26,286,127,544	25,952,572,536
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	-	1,575,000,000
Ứng trước cho nhà cung cấp		340,506,599	786,831,867
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Công ty mẹ	340,506,599	620,393,227
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	-	166,438,640
Phải trả người bán		38,331,390,874	36,696,643,485
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	23,746,143,866	19,828,883,682
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	12,281,154,589	16,816,248,806
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	2,304,092,419	51,510,997
Người mua trả tiền trước		123,319,126,420	186,141,011,581
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	123,319,126,420	186,141,011,581

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1,574,719,701	1,456,594,440
Ông Phan Thanh Hải	304,201,336	294,945,026
Ông Nguyễn Chính Đại	369,207,108	347,718,887
Ông Nguyễn Công Hùng	125,174,381	125,718,887
Ông Nguyễn Văn Phúc	48,000,000	73,500,000
Ông Nguyễn Tài Sơn	48,000,000	48,000,000
Ông Nguyễn Quang Thiện	48,000,000	24,000,000
Ông Nguyễn Cao Hải	288,403,585	289,266,614
Ông Nguyễn Công Hòa	252,996,791	253,445,026
Ông Lưu Minh Thành	90,736,500	-
Bà Mai Thị Vân Anh	90,736,500	-

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021, đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Thành - Công ty TNHH hãng kiểm toán và định giá ATC.



Bùi Thị Hoa
Người lập



Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng



Phan Thanh Hải
Chủ tịch

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2022

